

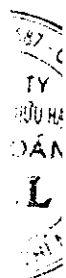
**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP III - PETROLIMEX**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO
NIÊN ĐỘ KẾT THÚC VÀO NGÀY 31/12/2005**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2005	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2005	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2005	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2005	13 - 29



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Xây Lắp III - Petrolimex (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005.

1. Các thông tin chung

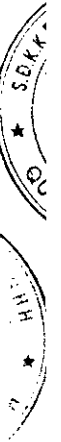
Công ty Cổ phần Xây Lắp III - Petrolimex được thành lập theo:

- Quyết định số 0721/1999/QĐ-BTM ngày 08 tháng 06 năm 1999 của Bộ Trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000817 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 01 năm 2002 và điều chỉnh lần thứ 3 ngày 10 tháng 12 năm 2004.

Trụ sở chính được đặt tại số 232 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

- Xây lắp các công trình phục vụ ngành xăng dầu.
- Xây lắp các đường dây và trạm biến điện đến 35KV.
- Xây lắp dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu đường, công trình công cộng và xử lý môi trường.
- Lắp đặt thiết bị phòng cháy, chữa cháy.
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng cơ sở.
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị ngành xăng dầu.
- Vận tải, giao nhận hàng hóa và cho thuê kho bãi, nhà xưởng.
- Mua bán tơ lụa, hàng thủ công mỹ nghệ.
- Mua bán vải sợi, hàng may mặc, khí đốt hóa lỏng (gas, acetylen, oxy).
- Sản xuất đá xây dựng (không sản xuất tại trụ sở).
- Thiết kế đo đạc công trình ngành đo vẽ địa hình.
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp.
- Thiết kế nội ngoại thất công trình.
- Xử lý nền móng công trình, xây dựng công trình bờ kè, bến cảng.
- Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép (không sản xuất tại trụ sở).

2. Thành viên của Ban Giám Đốc

Danh sách các thành viên Ban Giám Đốc trong năm 2005 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Cung Quang Hà	Giám Đốc
Ông Đinh Quang Hiếu	Phó Giám Đốc
Ông Đặng Đình Thắng	Phó Giám Đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh trong năm 2005 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

10/02
CỔ
ACHHI
KIỂM
Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

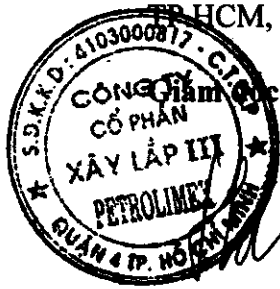
5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty.

6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực / Chế độ kế toán Việt Nam.

TP HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2006



Cung Quang Hà

587
GT
HƯ
10
T.
5

Số: 06.270 / HDKT - DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám Đốc
Công ty Cổ phần Xây Lắp III - Petrolimex**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2005, báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Xây Lắp III – Petrolimex (dưới đây gọi tắt là Công ty). Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Tuy nhiên ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau

Công nợ phải thu, phải trả khác :

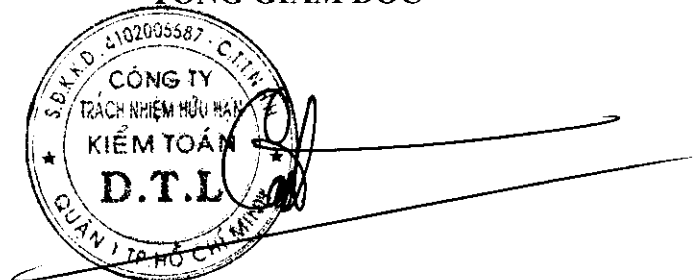
Như được nêu tại mục (2.4a) trên bảng thuyết minh báo cáo tài chính, trong tổng các khoản phải thu khác đến ngày 31 tháng 12 năm 2005 có một số khoản phải thu khác phát sinh trên 2 năm trị giá 145.743.258 đồng. Tuy nhiên đơn vị đã không lập dự phòng cho các khoản phải thu này.



Theo ý kiến chúng tôi, loại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây Lắp III - Petrolimex vào ngày 31/12/2005 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2006

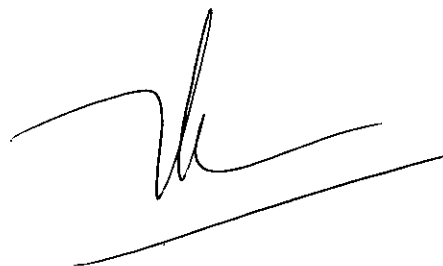
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN



TĂNG QUỐC THẮNG

Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

4102005587
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN
KIỂM TOÁN
D.T.L.
QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

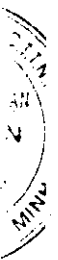
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.003.723.201	26.185.770.068
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.317.871.784	1.172.479.546
1. Tiền	111	1	2.317.871.784	1.172.479.546
2. Các khoản tương đương tiền	112	1		
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121	11		
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130		10.386.168.869	12.878.171.656
1. Phải thu khách hàng	131	2	4.398.971.840	6.059.814.134
2. Trả trước cho người bán	132		745.666.234	511.863.035
3. Phải thu nội bộ	133	2		1.788.957.834
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	138	2	5.241.530.795	4.517.536.653
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	2		
IV. Hàng tồn kho	140		30.299.682.548	11.780.029.881
1. Hàng tồn kho	141	3	30.299.682.548	11.780.029.881
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			355.088.985
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			354.581.768
2. Các khoản thuế phải thu	152	4		507.217
3. Tài sản ngắn hạn khác	158			

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.450.652.433	3.369.758.438
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5		
2. Phải thu nội bộ dài hạn	212			
3. Phải thu dài hạn khác	213			
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		3.519.122.548	3.307.016.948
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	3.401.665.846	3.207.400.072
- Nguyên giá	222		5.436.639.712	4.619.287.769
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.034.973.866)	(1.411.887.697)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	7		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	8		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230	9	117.456.702	99.616.876
III. Bất động sản đầu tư	240	10		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	12.533.332.000	51.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		400.000.000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		12.133.332.000	51.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259			
V. Đầu tư dài hạn khác	260		398.197.885	11.741.490
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	398.197.885	11.741.490
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		59.454.375.634	29.555.528.506



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		50.863.989.177	22.489.622.964
I. Nợ ngắn hạn	310		40.063.989.177	22.489.622.964
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	1.401.160.319	300.000.000
2. Phải trả người bán	312	15	4.167.776.141	3.012.132.730
3. Người mua trả tiền trước	313	15	23.689.140.367	7.874.607.785
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	2.045.251.090	2.167.588.343
5. Phải trả công nhân viên	315		1.254.713.418	693.497.223
6. Chi phí phải trả	316	17	2.844.848.651	1.986.758.686
7. Phải trả nội bộ	317			384.764.523
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	4.661.099.191	6.070.273.674
II. Nợ dài hạn	320		10.800.000.000	
1. Phải trả dài hạn người bán	321			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322	19		
3. Phải trả dài hạn khác	323			
4. Vay và nợ dài hạn	324	20	10.800.000.000	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325	13		
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.590.386.457	7.065.905.542
I. Vốn chủ sở hữu	410		8.396.417.776	6.977.891.264
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	4.200.000.000	4.200.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Cổ phiếu ngân quỹ	413			
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414			
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Quỹ đầu tư phát triển	416	21	1.848.668.217	1.220.309.374
7. Quỹ dự phòng tài chính	417	21	179.909.144	120.804.510
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418	21		
9. Lợi nhuận chưa phân phối	419		2.167.840.415	1.436.777.380
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		193.968.681	88.014.278
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421		193.968.681	88.014.278
2. Nguồn kinh phí	422	22		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	423			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		59.454.375.634	29.555.528.506

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại + USD			
6. Dự toán chi hoạt động			
7. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có			

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HOÀNG MẠNH DƯỠNG

Ngày 23 tháng 03 năm 2006



CUNG QUANG HÀ

K.Đ.
TRẮC
KI
I
(T.N)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

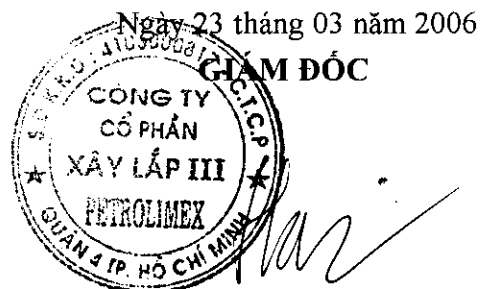
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2005	Năm 2004
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	81.494.164.157	61.853.027.597
2. Các khoản giảm trừ	03	24		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	24	81.494.164.157	61.853.027.597
4. Giá vốn hàng bán	11	25	74.009.713.439	55.698.697.758
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.484.450.718	6.154.329.839
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	474.434.414	296.617.185
7. Chi phí tài chính	22	26	367.482.103	275.383.853
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		358.333.459	275.383.853
8. Chi phí bán hàng	24		520.022.440	454.186.900
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.708.772.974	4.161.383.353
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		2.362.607.615	1.559.992.918
11. Thu nhập khác	31		137.775.540	245.183.814
12. Chi phí khác	32		8.022.923	139.714.662
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		129.752.617	105.469.152
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.492.360.232	1.665.462.070
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	28	348.775.032	228.684.690
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60	28	2.143.585.200	1.436.777.380

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HOÀNG MẠNH DƯƠNG



CUNG QUANG HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2005
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.492.360.232
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02		623.086.169
Các khoản dự phòng	03		
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		9.148.644
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(463.222.244)
Chi phí lãi vay	06		358.333.459
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.019.706.260
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.894.952.156
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(18.520.057.019)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		16.331.295.028
Tăng giảm chi phí trả trước	12		9.033.386
Tiền lãi vay đã trả	13		(358.333.459)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(228.684.690)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(72.359.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		3.075.552.162
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(837.960.398)
2.			
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		
4.			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5.			
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.482.332.000)
6.			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7.			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		34.972.155
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.285.320.243)

382
 TY
 HƯ
 CÁ
 .L
 CHỈ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

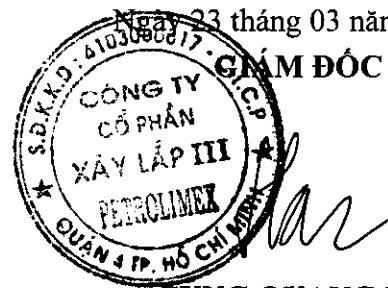
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2005
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		39.670.136.516
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(27.768.976.197)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(546.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11.355.160.319
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		1.145.392.238
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.172.479.546
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		2.317.871.784

KÊ TOÁN TRƯỞNG



HOÀNG MẠNH DƯƠNG



CUNG QUANG HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú khác

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các bản báo cáo tài chính được đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây Lắp III - Petrolimex (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo:

- Quyết định số 0721/1999/QĐ-BTM ngày 08 tháng 06 năm 1999 của Bộ Trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000817 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 01 năm 2002 và điều chỉnh lần thứ 3 ngày 10 tháng 12 năm 2004.

Trụ sở chính được đặt tại số 232 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề kinh doanh

Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau:

- Xây lắp các công trình phục vụ ngành xăng dầu.
- Xây lắp các đường dây và trạm biến điện đến 35KV.
- Xây lắp dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu đường, công trình công cộng và xử lý môi trường.
- Lắp đặt thiết bị phòng cháy, chữa cháy.
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng cơ sở.
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật tư, thiết bị ngành xăng dầu.
- Vận tải, giao nhận hàng hóa và cho thuê kho bãi, nhà xưởng.
- Mua bán tơ lụa, hàng thủ công mỹ nghệ.
- Mua bán vải sợi, hàng may mặc, khí đốt hóa lỏng (gas, acetylen, oxy).
- Sản xuất đá xây dựng (không sản xuất tại trụ sở).
- Thiết kế đo đạc công trình ngành đo vẽ địa hình.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú khác

- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình.
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp.
- Thiết kế nội ngoại thất công trình.
- Xử lý nền móng công trình, xây dựng công trình bờ kè, bến cảng.
- Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép (không sản xuất tại trụ sở).

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển gồm:

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

D. A
C
RAC
KII
I
VI

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu thương mại được thực hiện theo giá gốc trừ các các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính.

4. Ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định áp dụng theo Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính.

2005
DNC
HIEM
4 T
T
HC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú khác

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

• Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
• Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
• Phương tiện vận tải	05 - 15 năm
• Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

5. Kế toán các hoạt động liên doanh:

- Nguyên tắc kế toán:

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát phản ánh trên tài khoản “Vốn góp liên doanh” là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác.

Nợ phải trả xác định nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp khi doanh nghiệp nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý.

7. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt sẽ trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty, theo các qui định pháp lý hiện hành và sẽ phân chia cổ tức cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá.

9. Thuế

Các khoản mục thuế thể hiện trên báo cáo kết quả kinh doanh là tổng số thuế dự kiến phát sinh cho niên độ báo cáo. Trong năm 2005 Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và các khoản dự trù, nếu có, sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

10. Số dư đầu kỳ

Số dư đầu kỳ đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Một vài số liệu đầu kỳ đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của niên độ này.

ST. C
TY
DU H
ÁN
L
HT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú khác

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Năm 2005	Năm 2004
Tiền mặt	178.422.162	50.684.609
Tiền gửi ngân hàng	2.139.449.622	1.121.794.937
Cộng	2.317.871.784	1.172.479.546

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Năm 2005	Năm 2004
Phải thu khách hàng	4.398.971.840 (2.1)	6.059.814.134
Trả trước cho người bán	745.666.234 (2.2)	511.863.035
Phải thu nội bộ	-	1.788.957.834
Các khoản phải thu khác:	5.241.530.795	4.517.536.653
+ Tạm ứng	3.386.791.135	3.178.404.058
+ Tài sản thiếu chờ xử lý	100.000.000	100.000.000
+ Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000 (2.3)	-
+ Phải thu khác	1.739.739.660 (2.4)	1.239.132.595
Giá trị thuần của phải thu	10.386.168.869	12.878.171.656

(2.1) Trong đó, các khoản phải thu tại Văn phòng công ty và các chi nhánh của Công ty như sau:

	31/12/2005
Phải thu khách hàng tại Văn phòng công ty	3.153.395.026 (2.1a)
Phải thu khách hàng tại Chi nhánh Cần Thơ	1.242.757.942 (2.1b)
Phải thu khách hàng tại Chi nhánh Nhà Bè	2.818.872
Cộng	4.398.971.840

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú khác

(2.1a) Chi tiết một số khách hàng có số dư lớn vào ngày 31/12/2005 tại Văn phòng công ty:

	31/12/2005
Công ty thi công cơ giới (Phòng kinh doanh)	569.040.733
Cửa hàng Xăng dầu Thạnh Tân	220.235.512
Công ty Cổ phần Địa ốc Sonadezi	573.158.465
Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Trần	331.633.500
Cộng	<u>1.694.068.210</u>

(2.1b) Chi tiết một số khách hàng có số dư lớn vào ngày 31/12/2005 tại Chi nhánh Cần Thơ:

	31/12/2005
Cửa hàng Xăng dầu Khánh An – An Giang	182.209.000
Trụ sở Công ty Xăng dầu Trà Vinh	266.018.000
Cửa hàng Xăng dầu Gành Hào - Bạc Liêu	102.955.912
Cửa hàng Xăng dầu Quỳnh Phát – An Giang	125.737.194
Cửa hàng Xăng dầu Thanh Tri	106.000.000
Cộng	<u>782.920.106</u>

(2.2) Số dư các khoản trả trước cho người bán tại Văn phòng công ty vào ngày 31/12/2005 là 745.666.234 đồng bao gồm:

	31/12/2005
Đình Thiên Sơn (Xí nghiệp Cơ khí)	218.634.234
Công ty Công trình Giao Thông	400.000.000
Xí nghiệp Thoát nước số 5 – Công ty Thoát nước	15.000.000
Công ty TNHH TMSX Khánh Tiến Phát	107.032.000
Trung tâm Kỹ thuật Hạt nhân TP.HCM	5.000.000
Cộng	<u>745.666.234</u>

(2.3) Đây là khoản bảo lãnh dự thầu Cửa hàng Xăng dầu Bình Đức của Chi nhánh Cần Thơ.

(2.4) Chi tiết các khoản phải thu khác tại Văn phòng công ty và các chi nhánh của Công ty như sau:

	31/12/2005	
Các khoản phải thu khác tại Văn phòng Công ty	1.453.345.083	(2.4a)
Các khoản phải thu khác tại Chi nhánh Cần Thơ	278.375.850	
Các khoản phải thu khác tại Chi nhánh Nhà Bè	8.018.727	
Cộng	<u>1.739.739.660</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú khác

(2.4a) Trong đó có một số các khoản phải thu khác phát sinh trên 2 năm nhưng chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các các khoản phải thu này. Chi tiết như sau:

	31/12/2005
Nguyễn Đức Tuấn	14.500.000
Nguyễn Tiến Thanh (XNCK)	54.434.448
Thuế GTGT phải thu các đơn vị trong nội bộ	73.391.282
Vương, Quang Minh (Nộp nghĩa vụ)	3.417.528
Cộng	<u>145.743.258</u>

3. Hàng tồn kho

	Năm 2005		Năm 2004
Nguyên liệu, vật liệu	326.503.403		2.941.634.500
Công cụ, dụng cụ	416.286.125		244.866.928
Chi phí SX, KD dở dang	28.590.944.134 (3.1)		8.419.781.410
Hàng hóa	965.948.886 (3.2)		173.747.043
Cộng giá gốc hàng tồn	<u>30.299.682.548</u>		<u>11.780.029.881</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-		-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>30.299.682.548</u>		<u>11.780.029.881</u>
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>30.299.682.548</u>		<u>11.780.029.881</u>

(3.1) Bao gồm chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại Văn phòng công ty và các chi nhánh như sau:

	31/12/2005
Chi phí SX dở dang tại Văn phòng công ty	20.158.965.994 (3.1a)
Chi phí SX dở dang tại Chi nhánh Cần Thơ	8.427.005.597 (3.1b)
Chi phí SX dở dang tại Chi nhánh Nhà Bè	4.972.543
Cộng	<u>28.590.944.134</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú khác

(3.1a) Chi tiết một số công trình có chi phí sản xuất dở dang lớn tại Văn phòng công ty như sau:

	31/12/2005
Công trình Cầu cảng 15.000 DWT	4.120.147.182
Công trình kho dung môi Dapha	997.459.002
Công trình bờ kè kho cảng	1.053.569.627
Móng bồn A20 + A21	1.913.202.236
Gia công 5 bể thép LTC/2005	3.976.242.734
Công trình đúc cọc móng bồn B15 + B18 kho B	1.396.268.757
Công trình móng Trung tâm thương mại Long Xuyên	1.545.454.545
Móng cọc công trình bồn LPG SG Petro	597.256.197
Cửa hàng Xăng dầu Phú Khương – Bến Tre	847.670.000
Cộng	<u>16.447.270.280</u>

(3.1b) Chi tiết một số công trình có chi phí sản xuất dở dang lớn tại Chi nhánh Cần Thơ như sau:

	31/12/2005
Trường học Dương Hoa – Kiên Giang	687.096.334
Cửa hàng Xăng dầu lô 91B	773.042.945
Móng Trung tâm thương mại Long Xuyên	5.635.180.705
Cộng	<u>7.095.319.984</u>

(3.2) Số dư hàng hóa tồn kho vào ngày 31/12/2005 là 965.948.886 đồng bao gồm:

	31/12/2005
Hàng hóa tồn kho phòng Kinh doanh	299.170.129
Hàng hóa tồn kho cửa hàng 270B	4.932.477
Hàng hóa tồn kho cửa hàng 38 Đồng Khởi	6179.630.556
Vật tư xuất công trình	482.215.724
Cộng	<u>965.948.886</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Tăng, giảm tài sản cố định:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐHH					
Số dư đầu năm	1.703.365.890	736.987.353	1.910.764.496	268.170.030	4.619.287.769
Tăng trong năm	-	151.047.619	578.398.072	87.906.252	817.351.943
Mua trong năm	-	151.047.619	578.398.072	87.906.252	817.351.943
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.703.365.890	888.034.972	2.489.162.568	356.076.282	5.436.639.712
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	350.602.601	279.008.422	636.423.403	145.853.271	1.411.887.697
Khấu hao trong năm	129.280.148	127.567.614	292.091.937	74.146.470	623.086.169
Khấu hao giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	479.882.749	406.576.036	928.515.340	219.999.741	2.034.973.866
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.352.763.289	457.978.931	1.274.341.093	122.316.759	3.207.400.072
Tại ngày cuối năm	1.223.483.141	481.458.936	1.560.647.228	136.076.541	3.401.665.846

(Phần tiếp theo ở trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú khác

Tài sản cố định tăng trong năm 2005 từ việc mua sắm bao gồm:

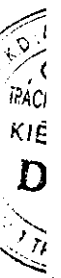
	31/12/2005
Máy móc thiết bị	
+ Máy phát điện 125 KVA Denyo – Nhật	108.000.000
+ Máy cắt sắt Trung Quốc	10.952.381
+ Máy uốn sắt Trung Quốc	11.142.858
+ Máy hàn TIG Hitachi 300A	10.476.190
+ Máy hàn TIG Argo 300A	10.476.190
	151.047.619
Phương tiện vận tải truyền dẫn	
+ Xe tải cầu Hyundai 57K – 8517	578.398.072
	578.398.072
Thiết bị dụng cụ quản lý	
+ Điện thoại Nokia	12.545.454
+ Máy vi tính	11.474.677
+ Hệ thống mạng – Chi nhánh Nhà Bè	23.035.341
+ Máy tính xách tay HP – CO NC 6230	26.738.880
+ Máy điều hòa nhiệt độ Aikibi 2,5HP	14.111.900
	87.906.252
Cộng	817.351.943

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Năm 2005	Năm 2004
Mua sắm tài sản cố định	-	13.772.076
Xây dựng cơ bản dở dang – Văn phòng công ty	78.039.149	31.572.927
Xây dựng cơ bản dở dang – CN Cần Thơ	26.791.473	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	12.626.080	54.271.873
Cộng	117.456.702 (*)	99.616.876

(*) Bao gồm:

	31/12/2005
Xây dựng công trình nhà văn phòng và hàng rào Chi nhánh Nhà Bè	78.039.149
Chi phí sửa chữa Xưởng cơ khí Trà Nóc	26.791.473
Chi phí sửa xe 57H-2008, 57K-0329, 57H-6818	12.626.080
Cộng	117.456.702



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III - PETROLIMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú khác

11. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn:

	Năm 2005	Năm 2004
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	400.000.000 (11.1)	-
Đầu tư dài hạn khác	12.133.332.000 (11.2)	51.000.000
Cộng	12.533.332.000	51.000.000

(11.1) Khoản góp vốn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 là 400.000.000 đồng giữa Công ty Cổ phần Xây Lắp III – Petrolimex với Công ty TNHH Điện máy XL Anh Chương theo Quyết định số 322/QĐ-HĐQT-XL3 ngày 19 tháng 8 năm 2005 của Hội đồng quản trị Công ty CP Xây Lắp III – Petrolimex.

(11.2) Số dư các khoản đầu tư dài hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2005 bao gồm :

	31/12/2005
Đầu tư chứng khoán dài hạn	51.000.000
16.861 cổ phần của Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco	202.332.000
990.000 cổ phần của Ngân hàng TMCPNT Đồng Tháp Mười	11.880.000.000
Cộng	12.133.332.000

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2005	Năm 2004
Số dư đầu năm	11.741.490	-
Tăng trong năm	405.858.239	13.739.000
Đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	19.401.844	1.997.510
Số dư cuối năm	398.197.885	11.741.490

14. Các khoản vay và nợ ngắn hạn, dài hạn

	Năm 2005	Năm 2004
Vay và nợ ngắn hạn	1.401.160.319 (14.1)	300.000.000
Cộng	1.401.160.319	300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú khác

(14.1) Khoản vay Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn, có chi tiết như sau:

Hợp đồng vay tiền	:	số 772/2005/HĐ ngày 14/06/2005
Hạn mức tín dụng	:	10.000.000.000 VNĐ
Thời hạn vay	:	từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2005
Lãi suất cho vay trong hạn	:	Lãi suất thay đổi theo lãi suất tiền gửi
Lãi suất nợ quá hạn	:	150% lãi suất cho vay trong hạn
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động
Tài sản thế chấp	:	toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VNĐ, ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác và dùng các khoản phải thu theo Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác mà Công ty là người thụ hưởng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn cụ thể của Công ty tại Ngân hàng.

15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Năm 2005	Năm 2004
Phải trả người bán	4.167.776.141 (15.1)	3.012.132.730
Người mua trả tiền trước	23.689.140.367 (15.2)	7.874.607.785
Cộng	27.856.916.508	10.886.740.515

(15.1) Trong đó, các khoản phải trả tại Văn phòng công ty và các chi nhánh của Công ty như sau:

	31/12/2005
Phải trả người bán tại Văn phòng Công ty	3.804.202.897 (15.1a)
Phải trả người bán tại Chi nhánh Cần Thơ	340.469.244 (15.1b)
Phải trả người bán tại Chi nhánh Nhà Bè	23.104.000
Cộng	4.167.776.141

(15.1a) Chi tiết một số khoản phải trả người bán tại Văn phòng Công ty có số dư lớn vào ngày 31/12/2005:

	USD	31/12/2005
Công ty CP Đầu tư & Xây lắp Chương		1.057.731.791
CN Công ty TNHH Đầu tư XDTM Sài Gòn		639.345.420
OIL TECHNOLOGY PTE LTD	18.888,00	Tương đương 300.602.520
Công ty CP Xây Dựng Việt Trần		430.574.936
Công ty Xi măng Phương Nam		452.114.200
Công ty TNHH Điện máy Anh Chương		426.721.055
Công ty TNHH Soam Vina		213.500.000
Cộng		3.520.589.922

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú khác

(15.1b) Chi tiết một số khoản phải trả người bán tại Chi nhánh Cần Thơ có số dư lớn vào ngày 31/12/2005:

	31/12/2005
Tiền điện nước kho Miền Tây	162.416.100
Cộng ty TNHH Sáu Phát	101.215.000
Cộng	<u>263.631.100</u>

(15.2) Trong đó, các khoản người mua trả tiền trước tại Văn phòng công ty và các chi nhánh của Công ty như sau:

	31/12/2005	
Người mua trả tiền trước tại Văn phòng công ty	22.515.880.367	(15.2a)
Người mua trả tiền trước tại Chi nhánh Cần Thơ	1.173.260.000	(15.2b)
Cộng	<u>23.689.140.367</u>	

(15.2a) Chi tiết một số người mua trả tiền trước có số dư lớn vào ngày 31/12/2005 tại Văn phòng Công ty

	31/12/2005
Công trình cầu cảng 15.000 W LTC	2.329.774.894
Trung tâm thương mại Long Xuyên	5.610.984.300
Cửa hàng Xăng dầu 109 Phú Khương – Bến Tre	932.437.000
Công ty TNHH Hóa dầu Lâm Tài Chánh	1.538.239.019
Công trình bờ kè kho cảng LTC	933.153.810
Công trình cải tạo HT PCCC kho C	1.242.750.000
Công ty XD khu vực 2	4.185.375.216
Cộng	<u>16.772.714.239</u>

(15.2b) Chi tiết một số người mua trả tiền trước có số dư lớn vào ngày 31/12/2005 tại Chi nhánh Cần Thơ

	31/12/2005
Trường học Dương Hoa – Kiên Giang	387.260.000
Nhà tang lễ BV Kiên Lương	138.100.000
Cửa hàng Xăng dầu Mỹ An + Hòa Bình II	297.000.000
Cửa hàng Xăng dầu Quốc lộ 91B	198.380.000
Cộng	<u>1.020.740.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú khác

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Năm 2005	Năm 2004
Thuế GTGT hàng nội địa	1.803.482.943	2.076.176.306
Thuế TNDN	208.775.032	88.684.690
Các loại thuế khác	-	2.727.347
Thuế và lệ phí khác – Chi nhánh Cần Thơ	32.993.115	-
Cộng	2.045.251.090	2.167.588.343

17. Chi phí phải trả

	Năm 2005	Năm 2004
Chi phí bảo hành trích trước	372.232.867	587.353.568
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc – Văn phòng	34.140.730	34.140.730
Chi phí phải trả khác	2.438.475.054	1.365.264.388
Cộng	2.844.848.651	1.986.758.686

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Năm 2005	Năm 2004
Kinh phí công đoàn	85.681.237	74.853.154
Bảo hiểm xã hội	26.696.252	17.631.853
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.548.721.702 (18.1)	5.977.788.667
Cộng	4.661.099.191	6.070.273.674

(18.1) Chi tiết các khoản phải trả khác tại Văn phòng công ty và các chi nhánh của Công ty như sau:

	31/12/2005
Phải trả, phải nộp khác tại Văn phòng Công ty	3.774.079.576 (*)
Phải trả, phải nộp khác tại Chi nhánh Cần Thơ	679.083.291
Phải trả, phải nộp khác tại Chi nhánh Nhà Bè	95.558.835
Cộng	4.548.721.702

(*) Chi tiết một số khoản phải trả, phải nộp có số dư lớn vào ngày 31/12/2005 tại Văn phòng công ty

	31/12/2005
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	529.040.323
Công ty quản lý kinh doanh nhà	600.000.000
Cửa hàng tư lự 38 Đồng Khởi	207.850.046
Hoàng Khải	1.695.064.588
Cộng	3.031.954.957

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú khác

20. Các khoản vay và nợ ngắn hạn, dài hạn

	Năm 2005	Năm 2004
Vay và nợ dài hạn	10.800.000.000 (20.1)	-
Cộng	10.800.000.000	-

(20.1) Khoản vay Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, có chi tiết như sau:

Hợp đồng vay tiền	:	số 10/XD-HĐVV-TCKT ngày 09/05/2005
Số tiền vay	:	10.800.000.000 VNĐ
Thời hạn vay	:	24 tháng kể từ khi Công ty rút vốn
Mục đích vay	:	mua 990.000 cổ phần của Ngân hàng TMCPNT Đồng Tháp Mười
Lãi vay	:	là tổng số cổ tức tính trên 900.000 cổ phần mà Công ty nhận được hàng kỳ tại Ngân hàng TMCP Đồng Tháp Mười
Tài sản thế chấp	:	toàn bộ 900.000 cổ phần của Ngân hàng TMCPNT Đồng Tháp Mười.

21. Vốn chủ sở hữu**21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu	Đầu kỳ	Tăng	Giảm	Cuối kỳ
I. Nguồn vốn kinh doanh	4.200.000.000	-	-	4.200.000.000
Trong đó: Vốn Nhà nước	1.260.000.000	-	-	1.260.000.000
II. Các quỹ	1.429.128.162	937.886.523	144.468.643	2.222.546.042
1. Quỹ đầu tư phát triển	1.220.309.374	628.358.843	-	1.848.668.217
2. Quỹ dự phòng tài chính	120.804.510	59.104.634	-	179.909.144
3. Quỹ khen thưởng	65.493.375	156.746.586	77.927.317	144.312.644
4. Quỹ phúc lợi	22.520.903	93.676.460	66.541.326	49.656.037

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú khác

21.2 Cổ phiếu

	Năm 2005	Năm 2004
Số lượng cổ phiếu thường đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	42.000	42.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	42.000	42.000
Mệnh giá cổ phiếu : 100.000 đồng / cổ phiếu		

24. Doanh thu

	Năm 2005	Năm 2004
24.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng doanh thu		
+ Doanh thu bán hàng	9.713.999.958	8.065.121.065
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.564.489.252	3.621.338.616
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	12.278.489.210	11.686.459.681
24.2. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	463.222.244	236.641.419
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.110.000	32.000.000
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.102.170	27.975.766
Tổng doanh thu hoạt động tài chính	474.434.414	296.617.185
24.3. Doanh thu hợp đồng xây dựng		
Doanh thu HĐ xây dựng được ghi nhận trong kỳ	69.215.674.947	50.166.567.916
Cộng	81.968.598.571	62.149.644.782

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2005	Năm 2004
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	8.467.300.584	6.683.937.213
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.904.144.066	2.274.924.940
Giá vốn hợp đồng xây dựng	63.638.268.789	46.739.835.605
Cộng	74.009.713.439	55.698.697.758

26. Chi phí tài chính

	Năm 2005	Năm 2004
Chi phí lãi vay	358.333.459	275.383.853
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	9.148.644	-
Cộng	367.482.103	275.383.853

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú khác

28. Trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận

	Năm 2005
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.492.360.232
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	
+ Cổ tức quý IV/2005 – Công ty CP XNK Petrolimex	1.110.000
Tổng thu nhập chịu thuế	2.491.250.232
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	348.775.032
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>2.143.585.200</u>
Lợi nhuận chưa phân phối năm 2004 chuyển qua	1.436.777.380
Lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2005	2.492.360.232
Tạm trích thuế TNDN năm 2005	(348.775.032)
Chia cổ tức năm 2004	(546.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển từ LN chưa phân phối năm 2004	(628.358.843)
Trích quỹ dự phòng tài chính từ LN chưa phân phối năm 2004	(59.104.634)
Trích quỹ khen thưởng từ LN chưa phân phối năm 2004	(118.209.269)
Trích quỹ phúc lợi từ LN chưa phân phối năm 2004	(59.104.634)
Tiền phạt vi phạm hành chính	(1.000.000)
Tiền phạt nộp chậm thuế	(744.785)
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày 31/12/2005	<u>2.167.840.415</u>

Kế toán trưởng

HOÀNG MẠNH DƯỠNG

TPHCM, ngày 25 tháng 03 năm 2006



CUNG QUANG HÀ